

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP KL. Địa chỉ trụ sở: 40-42-44 đường PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lý Quốc L sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 477/24, khu vực PT, phường TN, quận TN, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 19/UQ-NHKL ngày 20-8-2020 “có mặt”

2. *Bị đơn:* Ông Quách Tòng H sinh năm 1962 - Chủ hộ kinh doanh cá thể “có mặt” và vợ là bà Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1966 “vắng mặt”. Nơi cư trú: Ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Quách Hữu K, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Anh Quách Hữu N, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Anh Quách Hữu N1, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ. Anh N1 ủy quyền cho ông H - Văn bản ủy quyền lập ngày 18/5/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2019, quá trình tố tụng người đại diện của nguyên đơn anh Lý Quốc L trình bày:

Ngày 28/02/2011 Ngân hàng TMCP KL với ông Quách Tòng H và bà Nguyễn Thị Kim T (Chủ hộ kinh doanh cá thể) ký kết Hợp đồng tín dụng số HD0787/HĐTD ngày 28/02/2011. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng ông H vay số tiền 150.000.000đồng, mục đích vay kinh doanh lúa gạo, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 1,8%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Hình thức thanh toán vốn trả cuối kỳ, lãi định kỳ 03 tháng trả một lần.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông H ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số HD0787/HĐTC ngày 28/02/2011, theo đó vợ chồng ông H thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 319m² (đất ở nông thôn 281m², đất trồng cây lâu năm 38m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00025 cấp ngày 29/12/2009 do ông H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ trên đã chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H thanh toán nợ nhưng vợ chồng ông H không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tổng cộng là 650.458.700đồng. Trường hợp, vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Quách Tòng H, bà Nguyễn Thị Kim T, các thành viên trong hộ ông H gồm Quách Hữu K, Quách Hữu N và Quách Hữu N1 được triệu tập tham gia hòa giải nhưng vắng mặt. Vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2020, ông H thừa nhận vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP KL số tiền vốn 150.000.000đồng, thời hạn vay, lãi suất cho vay, tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay đúng như người đại diện của ngân hàng trình bày. Quá trình vay nợ vợ chồng ông trả được 30.000.000đồng tiền vốn, và 18.653.920đồng tiền lãi. Vợ chồng ông thống nhất số tiền còn nợ ngân hàng là 592.610.000đồng (bao gồm vốn và lãi). Tuy nhiên do kinh tế gia đình hiện nay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên xin được trả dần số nợ trên.

Tại phiên tòa:

Người đại diện của Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H phải trả cho ngân hàng số tiền 592.610.000đồng. Trong đó, vốn gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi

trong hạn 18.200.000đồng, lãi quá hạn 454.410.000đồng (lãi tính đến ngày 29/9/2020). Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu vợ chồng ông H tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán tất nợ. Trường hợp, vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Riêng tiền phạt chậm trả lãi là 57.848.700đồng ngân hàng rút yêu cầu đối với khoản tiền này.

Bị đơn ông Quách Tòng H, đại diện theo ủy quyền của anh Quách Hữu N1 thống nhất còn nợ ngân hàng vốn và lãi tổng cộng là 592.610.000đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gia đình có khó khăn nên ông H xin trả dần khoản nợ trên cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và anh Quách Hữu K, anh Quách Hữu N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Quách Tòng H và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền 592.610.000đồng (bao gồm vốn gốc và tiền lãi). Nếu vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi 57.848.700đồng ngân hàng rút yêu cầu. Đề nghị căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xem xét đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về việc tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T là bị đơn, không có yêu cầu phản tố; Anh Quách Hữu N, Quách Hữu K người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tiền vốn vay: Vợ chồng ông H vay của Ngân hàng TMCP KL số tiền gốc 150.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số HD0787/HĐTD ngày 28/02/2011. Quá trình vay vợ chồng ông H trả được 30.000.000đồng tiền vốn, tiền lãi trả được 18.653.920đồng. Còn nợ tiền vốn 120.000.000đồng, nợ tiền lãi 472.610.000đồng. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông H vẫn không thanh toán, số nợ trên đã chuyển nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về tiền lãi: Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng, lãi suất cho vay là 1,8%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là đúng pháp luật phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11; Điều 24, Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng (*được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*). Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ trên đã chuyển nợ quá hạn. Theo bảng kê chiết tính tiền vay chi tiết thì tính đến ngày 29/9/2020 tổng số nợ gốc và nợ lãi mà vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 592.610.000đồng, đối chiếu với hợp đồng vay, bảng kê chiết tính chi tiết mà Ngân hàng cung cấp số tiền mà vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng là đúng. Do đó cần buộc vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền trên là phù hợp.

Đối với tiền lãi phạt chậm trả lãi với số tiền 57.848.700đồng tại phiên tòa ngân hàng rút yêu cầu. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, quá trình vay nợ vợ chồng ông H ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp số HD0787/HĐTC ngày 28/02/2011, theo đó vợ chồng ông H và các thành viên trong hộ thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 319m² (đất ở nông thôn 281m², đất trồng cây lâu năm 38m²), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00025 cấp ngày 29/12/2009 do ông H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nếu vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Quách Tòng H và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá

ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông Quách Tòng H.

Buộc ông Quách Tòng H và vợ là bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền 592.610.000đồng. Trong đó, vốn gốc là 120.000.000đồng, tiền lãi là 472.610.000đồng (lãi tính đến ngày 29/9/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2020), vợ chồng ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp, ông Quách Tòng H và bà Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD0787/HĐTC ngày 28/02/2011 để thu hồi nợ.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử đối với khoản tiền 57.848.700đồng tiền phạt chậm trả lãi do ngân hàng rút yêu cầu.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc ông Quách Tòng H và bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 13.852.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (có xét giảm theo đơn).

Ngân hàng TMCP KL được nhận lại 14.913.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 013068 ngày 09 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn; bị đơn ông H có mặt, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, anh N vắng mặt.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKS nhân dân huyện CĐ;
- Chi cục THA dân sự huyện CĐ;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn